

TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020**

TÓNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.

Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Huy Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám Đốc
Ông Võ Anh Tài	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Đông Hòa	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trương Tấn Sơn	Phó Tổng Giám Đốc

(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Trụ sở chính

23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.956.533.802.011	3.416.352.147.726
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	602.870.721.076	1.093.829.818.920
111	Tiền		128.970.721.076	198.712.400.346
112	Các khoản tương đương tiền		473.900.000.000	895.117.418.574
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.922.700.000.000	1.845.866.273.973
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.922.700.000.000	1.845.866.273.973
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		397.276.729.474	445.642.662.157
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	139.871.445.889	167.543.775.814
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.731.965.335	6.759.830.077
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	301.959.932.195	321.625.670.211
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(56.088.853.695)	(56.088.853.695)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		11.863.793.330	14.287.850.098
141	Hàng tồn kho		11.863.793.330	14.287.850.098
150	Tài sản ngắn hạn khác		21.822.558.131	16.725.542.578
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.779.767.906	12.720.907.112
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	13.042.790.225	4.004.635.466

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.833.926.500.357	5.764.321.469.141
210	Các khoản phải thu dài hạn		46.531.057.274	46.546.057.274
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	46.531.057.274	46.546.057.274
220	Tài sản cố định		742.254.553.762	786.838.510.547
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	712.951.133.753	755.599.378.633
222	Nguyên giá		2.607.588.852.692	2.606.024.390.725
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.894.637.718.939)	(1.850.425.012.092)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	29.303.420.009	31.239.131.914
228	Nguyên giá		82.398.957.521	82.398.957.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(53.095.537.512)	(51.159.825.607)
230	Bất động sản đầu tư	10	12.259.657.392	13.364.218.392
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.952.178.033)	(75.847.617.033)
240	Tài sản dở dang dài hạn		578.689.255.852	546.297.503.008
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	578.689.255.852	546.297.503.008
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.368.931.542.928	4.281.431.473.994
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.182.787.483.689	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.633.636.789.502	2.546.136.759.461
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	738.214.360.459	738.214.321.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(185.707.090.722)	(185.707.090.722)
260	Tài sản dài hạn khác		85.260.433.149	89.843.705.926
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	77.074.356.681	81.657.629.458
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16	8.186.076.468	8.186.076.468
270	TỔNG TÀI SẢN		8.790.460.302.368	9.180.673.616.867


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.


TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN


Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		739.140.545.347	833.694.537.546
310	Nợ ngắn hạn		611.702.770.994	703.498.282.143
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	26.152.895.553	55.120.903.577
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.769.512.594	33.846.476.266
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	199.881.135.166	186.496.892.919
314	Phải trả người lao động		92.681.987.312	159.925.050.023
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		19.120.655.932	2.442.698.838
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		31.232.446.625	36.827.509.794
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	124.489.465.902	84.515.751.061
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	103.374.671.910	144.322.999.665
330	Nợ dài hạn		127.437.774.353	130.196.255.403
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	93.773.844.697	96.529.325.323
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.663.929.656	33.666.930.080
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.051.319.757.021	8.346.979.079.321
410	Vốn chủ sở hữu		8.051.319.757.021	8.346.979.079.321
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	18	421.424.540.672	421.424.540.672
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	401.240.707.185	401.240.707.185
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	817.899.509.164	1.113.558.831.464
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		814.166.829.160	411.017.279.429
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		3.732.680.004	702.541.552.035
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.790.460.302.368	9.180.673.616.867


Trần Văn Huy
Người lập


Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2020



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.219.313.568	1.001.434.655.227
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.219.313.568	1.001.434.655.227
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(420.923.825.846)	(609.043.714.642)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.295.487.722	392.390.940.585
21	Doanh thu hoạt động tài chính	70.009.704.833	188.328.799.094
22	Chi phí tài chính	(74.244.048)	(69.117.126)
25	Chi phí bán hàng	(31.186.117.656)	(61.216.092.458)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(89.867.191.061)	(109.798.128.040)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.177.639.790	409.636.402.055
31	Thu nhập khác	3.163.999.154	3.075.690.586
32	Chi phí khác	(1.107.372.250)	(429.984.158)
40	Lợi nhuận khác	2.056.626.904	2.645.706.428
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.234.266.694	412.282.108.483
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(501.586.690)	(58.120.523.466)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.732.680.004	354.161.585.017



Trần Văn Huy
Người lập



Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.234.266.694	412.282.108.483
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	28 43.095.089.992	75.511.310.047
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(66.226.060.766)	(159.114.819.917)
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(18.896.704.080)	328.678.598.613
09	Giảm các khoản phải thu	9.499.897.799	23.279.837.027
10	Giảm hàng tồn kho	2.424.056.768	1.215.933.401
11	Giảm các khoản phải trả	(7.758.822.167)	(511.378.852.594)
12	Giảm chi phí trả trước	9.274.588.675	12.680.469.838
15	Thuế TNDN đã nộp	(30.259.178.303)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	10.039.096.582
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(40.948.327.755)	(57.704.702.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(76.664.489.063)	(193.189.619.804)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(42.254.945.792)	(56.440.880.294)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	147.441.970	740.182.253
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(2.924.802.064.484)	(1.251.812.378.029)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	2.847.968.338.457	858.494.369.517
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(87.500.000.000)	(75.838.356.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	97.146.621.068	229.224.293.998
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(109.294.608.781)	(295.632.768.555)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(305.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(305.000.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(490.959.097.844)	(488.822.388.359)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3 1.093.829.818.920	1.657.541.909.794
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3 602.870.721.076	1.168.719.521.435

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày tại Thuyết minh 29.



Trần Văn Huy
Người lập



Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.